



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Lớp: TC11QTDD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)
Môn Học: Pháp luật đại cương (202622-27)
CBGD

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	11222003	PHẠM BÌNH	AN	30/03/93	✓		Sáu		
2	11222002	VƯƠNG THÀNH	AN	28/04/89		6	Sáu		
3	11222004	TRẦN THỊ LAN	ANH	10/06/88		8	Tám		
4	11223001	NGUYỄN THỊ HỒNG	ÂN	25/11/87		5	Năm		
5	11223003	DƯƠNG THỊ	BÚNG	31/12/85		8	Tám		
6	11222006	LÊ ĐIỂM	CHÂU	19/03/91		8	Tám		
7	11222005	VÕ CHÍ	CÔNG	20/12/86		8	Tám		
8	11222007	NGUYỄN THỊ HẠ	DIỂM	28/05/81		8	Tám		
9	11222008	LÊ LONG HƯƠNG	DIỆU	05/12/92		7	Bảy		
10	11222009	NGUYỄN HOÀNG	DUY	23/07/85		8	Tám		
11	11222010	TRẦN ĐÌNH NGUYỄN THIÊN	DUYÊN	12/08/82		8	Tám		
12	11222001	LÊ QUANG	ĐỨC	20/07/85		7	Bảy		
13	11222014	MAI XUÂN	HÀI	02/07/88		7	Bảy		
14	11222011	ĐINH THỊ	HÀNG	02/02/93		8	Tám		
15	11222012	LÊ NGỌC	HÂN	09/05/89		7	Bảy		
16	11223006	ĐẶNG HIẾU	HIỀN	20/11/89		6	Sáu		
17	11223008	ĐINH THỊ	HOA	10/10/87		8	Tám		
18	11223007	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	02/09/92		6	Sáu		
19	11222015	ĐÀO THỊ	HỒNG	10/06/90		8	Tám		
20	11222018	NGUYỄN HỮU	HUY	23/11/07	✓				
21	11223010	NGUYỄN HUỲNH NHƯ	HUYỀN	11/08/93		7	Bảy		
22	11222019	TRẦN THỊ BÍCH	HUYỀN	03/04/82		8	Tám		
23	11222017	NGUYỄN HỮU	HƯNG	20/05/83	✓				
24	11222016	PHAN TẤN	HƯNG	15/02/87		6	Sáu		
25	11222013	LÊ THỊ MAI	HƯƠNG	09/06/75		7	Bảy		
26	11223004	PHẠM THỊ	HƯƠNG	02/12/93		8	Tám		
27	11222021	PHẠM HOÀNG MINH	KHAI	22/06/83		7	Bảy		
28	11222020	NGUYỄN BÁ	KHÔI	22/09/89		8	Tám		
29	11222022	VÕ BÉ	KHUYÊN	08/05/85		8	Tám		
30	11223012	TRƯƠNG THỊ CHÂU	LAN	06/02/88		8	Tám		
31	11223011	HỒ QUỐC	LÂM	10/06/86		5	Năm		
32	11222023	LÊ PHÚC	LÂM	26/08/83		8	Tám		
33	11222024	BÙI QUANG	LÂN	07/09/80		6	Sáu		
34	11222026	PHAN THỊ	LIÊN	17/02/86		7	Bảy		

Nguyễn Đức Thuận

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC11QTĐD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)
Môn Học: Pháp luật đại cương (202622-27)
CBGD

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
35	11222028	TRƯƠNG THỊ	LIÊU	24/09/86		8	Tam		
36	11222027	LÊ VĂN	LINH	04/11/88		8	Tam		
37	11222030	LÊ THỊ PHỤNG	LOAN	13/08/74		6	Sáu		
38	11222029	TRẦN HOÀNG NGỌC	LOAN	01/12/89		7	Bảy		
39	11222031	PHO PHI	LONG	18/01/79		6	Sáu		
40	11222025	TRẦN XUÂN	LỘC	27/09/88		8	Tam		
41	11222033	NGUYỄN VÕ KIM	NGÂN	17/09/82		8	Tam		
42	11223017	PHẠM THỊ HOÀI	NGHIÊM	15/12/82		6	Sáu		
43	11223015	HUỲNH THỊ	NGỌC	01/05/92		5	Năm		
44	11222032	NGUYỄN VĂN	NGÔ	02/09/87		8	Tam		
45	11222034	HÀ VĂN	NGUYỄN	07/02/76		8	Tam		
46	11222035	TRƯƠNG VĂN	NGUYỄN	01/01/92	✓				
47	11223018	CAO THỊ	NHÂM	07/03/81	✓				
48	11222036	TRƯƠNG THỊ THANH	NHIÊN	03/11/80		8	Tam		
49	11222037	ĐẶNG THỊ HỒNG	NHUNG	01/11/89		7	Bảy		
50	11222038	ĐẶNG BÍCH	PHƯƠNG	26/12/88		8	Tam		
51	11222040	LÊ DUY	PHƯƠNG	08/11/89		8	Tam		
52	11223020	NGUYỄN THỊ YẾN	PHƯƠNG	03/01/83		8	Tam		
53	11222039	TRẦN THÀNH	PHƯƠNG	05/08/88		7	Bảy		
54	11222041	TRẦN THỊ TRÚC	PHƯƠNG	25/05/87		6	Sáu		
55	11222042	NGUYỄN HỒNG	SƠN	08/11/76	✓				
56	11222043	PHAN CHÍ	TÂM	10/05/84		5	Năm		
57	11222044	NGUYỄN VĂN	TÂY	24/11/85		7	Bảy		
58	11223023	NGUYỄN THỊ THANH	TỂ	02/10/90		7	Bảy		
59	11222050	NGUYỄN TẤN	THÀNH	28/01/80	✓				
60	11222046	DƯƠNG MINH	THÀNH	01/06/86		7	Bảy		
61	11222045	ĐẶNG NGỌC	THÀNH	11/09/85		5	Năm		
62	11222047	NGUYỄN ĐỨC	THÀNH	15/08/83		8	Tam		
63	11222048	TRẦN CÔNG	THÀNH	08/10/76		7	Bảy		
64	11222049	NGUYỄN THỊ	THẢO	25/08/89		9	Chín		
65	11222051	NGUYỄN NGỌC	THIỆM	12/11/83		8	Tam		
66	11223021	VÕ THỊ HỒNG	THƠ	1 / 92		8	Tam		
67	11222052	TRẦN NGỌC	THUẬN	25/06/87		7	Bảy		
68	11223022	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÙY	22/12/93		8	Tam		
69	11222054	ĐỖ VĂN	TIỀN	21/11/85		8	Tam		
70	11222055	TRẦN VĂN	TIỀN	23/05/86		7	Bảy		

Nguyễn Thị Thảo

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC11QTĐD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)
Môn Học: Pháp luật đại cương (202622-27)
CBGD

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
71	11222056	HUỖNH PHAN ÁNH	TRANG	23/03/93		8	Tam	
72	11223024	LƯU THỊ HUYỀN	TRẦN	12/02/83		8	Tam	
73	11223025	PHAN THỊ HUYỀN	TRẦN	08/04/92		8	Tam	
74	11222058	NGUYỄN VĂN	TRONG	21/04/90		8	Tam	
75	11222057	PHAM MINH	TRONG	19/08/80		8	Tam	
76	11223026	ĐOÀN NHẬT	TRƯỜNG	24/11/93		1	Nốt	
77	11223027	NGUYỄN VĨNH	TUẤN	15/02/92		6	Sau	
78	11222053	PHAN VĂN	TƯƠNG	02/08/82		6	Sau	
79	11223030	ĐỖ THỊ THÚY	VÂN	16/04/89		5	Nam	
80	11223031	TRƯƠNG THỊ MỸ	VÂN	04/11/86		8	Tam	
81	11222059	VŨ QUANG	VỸ	20/09/91	✓			
82	11222060	VĂN CÔNG	Ý	03/11/88		8	Tam	

In Ngày 22/06/12

Ngày 24 Tháng 6 Năm 2012

Cán Bộ Coi Thi 1 [Signature] Cán Bộ Coi Thi 2 [Signature]

Xác nhận của Bộ Môn [Signature] Cán Bộ Chấm Thi 1 [Signature] Cán Bộ Chấm Thi 2 [Signature]

In Ngày 22/06/12

TP.HCM, Ngày 22 tháng 06 năm 2012



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Lớp: TC11QTDD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)
Môn Học: Anh văn 1 (213601-23)
CBGD

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	11222003	PHẠM BÌNH AN	30/03/93	✓	✓			
2	11222002	VƯƠNG THÀNH AN	28/04/89		6	Sau		
3	11222004	TRẦN THỊ LAN ANH	10/06/88		7	bảy		
4	11223001	NGUYỄN THỊ HỒNG AN	25/11/87		5	Năm		
5	11223003	DƯƠNG THỊ BÚNG	31/12/85		6	Sáu		
6	11222006	LÊ ĐIỂM CHÂU	19/03/91		6	Sáu		
7	11222005	VÕ CHÍ CÔNG	20/12/86		5	Năm		
8	11222007	NGUYỄN THỊ HÀ ĐIỂM	28/05/81		6	Sáu		
9	11222008	LÊ LONG HƯƠNG ĐIỀU	05/12/92		6	Sáu		
10	11222009	NGUYỄN HOÀNG DUY	23/07/85		6	Sáu		
11	11222010	TRẦN ĐÌNH NGUYỄN T. DUYÊN	12/08/82		7	bảy		
12	11222001	LÊ QUANG ĐỨC	20/07/85		6	Sáu		
13	11222014	MAI XUÂN HẢI	02/07/88		7	bảy		
14	11222011	ĐINH THỊ HÀNG	02/02/93		6	Sáu		
15	11222012	LÊ NGỌC HÂN	09/05/89		6	Sáu		
16	11223006	ĐẶNG HIẾU HIỀN	20/11/89		6	Sáu		
17	11223008	ĐINH THỊ HOA	10/10/87		7	bảy		
18	11223007	NGUYỄN VĂN HOÀNG	02/09/92		5	Năm		
19	11222015	ĐÀO THỊ HỒNG	10/06/90		5	Năm		
20	11222018	NGUYỄN HỮU HUY	20/11/87	✓	✓			
21	11223010	NGUYỄN HUỖNH NHƯ HUYỀN	11/08/93		5	Năm		
22	11222019	TRẦN THỊ BÍCH HUYỀN	03/04/82		6	Sáu		
23	11222017	NGUYỄN HỮU HUY	30/05/83	✓	✓			
24	11222016	PHAN TẤN HƯNG	15/02/87		6	Sáu		
25	11222013	LÊ THỊ MAI HƯƠNG	09/06/75		6	Sáu		
26	11223004	PHẠM THỊ HƯƠNG	02/12/93		6	Sáu		
27	11222021	PHẠM HOÀNG MINH KHAI	22/06/83		6	Sáu		
28	11222020	NGUYỄN BÁ KHÔI	22/09/89		5	Năm		
29	11222022	VÕ BÉ KHUYẾN	08/05/85		6	Sáu		
30	11223012	TRƯƠNG THỊ CHÂU LAN	06/02/88		6	Sáu		
31	11223011	HỒ QUỐC LÂM	10/06/86		5	Năm		
32	11222023	LÊ PHÚC LÂM	26/08/83		6	Sáu		
33	11222024	BÙI QUANG LÂN	07/09/80		6	Sáu		
34	11222026	PHẠM THỊ LIÊN	17/02/86		6	Sáu		

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC11QTĐ (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)
Môn Học: Anh văn 1 (213601-23)
CBGD

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
35	11222028	TRƯƠNG THỊ	LIÊU	24/09/86		5	Năm		
36	11222027	LÊ VĂN	LINH	04/11/88		5	Năm		
37	11222030	LÊ THỊ PHỤNG	LOAN	13/08/74		6	Sau		
38	11222029	TRẦN HOÀNG NGỌC	LOAN	01/12/89		6	Sau		
39	11222031	PHO PHI	LONG	18/01/79		6	Sau		
40	11222025	TRẦN XUÂN	LỘC	27/09/88		④	bên		
41	11222033	NGUYỄN VÕ KIM	NGÂN	17/09/82		6	Sau		
42	11223017	PHẠM THỊ HOÀI	NGHIÊM	15/12/82		6	Sau		
43	11223015	HUỲNH THỊ	NGỌC	01/05/92		7	bảy		
44	11222032	NGUYỄN VĂN	NGÔ	02/09/87		6	Sau		
45	11222034	HÀ VĂN	NGUYỄN	07/02/76		6	Sau		
46	11222035	TRƯƠNG VĂN	NGUYỄN	01/01/92	✓	✓			
47	11223018	CAO THỊ	NHÂM	07/03/81	✓	✓			
48	11222036	TRƯƠNG THỊ THANH	NHIÊN	03/11/80		6	Sau		
49	11222037	ĐẶNG THỊ HỒNG	NHUNG	01/11/89		6	Sau		
50	11222038	ĐẶNG BÍCH	PHƯƠNG	26/12/88		7	bảy		
51	11222040	LÊ DUY	PHƯƠNG	08/11/89		7	bảy		
52	11223020	NGUYỄN THỊ YẾN	PHƯƠNG	03/01/83		6	Sau		
53	11222039	TRẦN THÀNH	PHƯƠNG	05/08/88		5	Năm		
54	11222041	TRẦN THỊ TRÚC	PHƯƠNG	25/05/87		5	Năm		
55	11222042	NGUYỄN HỒNG	SƠN	08/11/76	✓	✓			
56	11222043	PHAN CHÍ	TÂM	10/05/84		6	Sau		
57	11222044	NGUYỄN VĂN	TÂY	24/11/85		5	Năm		
58	11223023	NGUYỄN THỊ THANH	TỄ	02/10/90		5	Năm		
59	11222050	NGUYỄN TẤN	THÀNH	28/01/80	✓	✓			
60	11222046	DƯƠNG MINH	THÀNH	01/06/86		5	Năm		
61	11222045	ĐẶNG NGỌC	THÀNH	11/09/85		5	Năm		
62	11222047	NGUYỄN ĐỨC	THÀNH	15/08/83		5	Năm		
63	11222048	TRẦN CÔNG	THÀNH	08/10/76		6	Sau		
64	11222049	NGUYỄN THỊ	THẢO	25/08/89		6	Sau		
65	11222051	NGUYỄN NGỌC	THIÊM	12/11/83		5	Năm		
66	11223021	VÔ THỊ HỒNG	THO	1/92		②	Hai,		
67	11222052	TRẦN NGỌC	THUẬN	25/06/87		④	bốn		
68	11223022	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÙY	22/12/93		5	Năm		
69	11222054	ĐỖ VĂN	TIẾN	21/11/85		④	bốn		
70	11222055	TRẦN VĂN	TIẾN	23/05/86		5	Năm		

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC11QTĐD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)
Môn Học: Anh văn 1 (213601-23)
CBGD

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
71	11222056	HUỖNH PHAN ÁNH	TRANG	23/03/93		6	Sau		
72	11223024	LƯU THỊ HUYỀN	TRẦN	12/02/83		5	Năm		
73	11223025	PHAN THỊ HUYỀN	TRẦN	08/04/92		5	Năm		
74	11222058	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	21/04/90		5	Năm		
75	11222057	PHẠM MINH	TRỌNG	19/08/80		5	Năm		
76	11223026	ĐOÀN NHẬT	TRƯỜNG	24/11/93		5	Năm		
77	11223027	NGUYỄN VĨNH	TUẤN	15/02/92		2	hại		
78	11222053	PHAN VĂN	TƯƠNG	02/08/82		5	Năm		
79	11223030	ĐỖ THỊ THÚY	VĂN	16/04/89		6	Sau		
80	11223031	TRƯƠNG THỊ MỸ	VĂN	04/11/86		6	Sau		
81	11222059	VŨ QUANG	VŨ	20/09/91	V	V			
82	11222060	VĂN CÔNG	Ý	03/11/88		5	Năm		

In Ngày 22/06/12

SB: 74

ST: 74

Ngày 24 Tháng 6 Năm 2012

Cán Bộ Coi Thi 1

Cán Bộ Coi Thi 2 1 Đoàn Minh Thành

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

In Ngày 22/06/12

TP.HCM, Ngày 22 tháng 06 năm 2012



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Lớp: TC11QTDD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)
Môn Học: Các nguyên lý CB của CN Mác-Lênin (200106-24)
CBGD

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	11222003	PHẠM BÌNH	AN	30/03/93	✓				
2	11222002	VƯƠNG THÀNH	AN	28/04/89	1	7	hãy		
3	11222004	TRẦN THỊ LAN	ANH	10/06/88	1	5	năm		
4	11223001	NGUYỄN THỊ HỒNG	ÂN	25/11/87	1	7	hãy		
5	11223003	DUYÊN THỊ	BÚNG	31/12/85	1	8	tám		
6	11222006	LÊ ĐIỂM	CHÂU	19/03/91	1	7	hãy		
7	11222005	VÕ CHÍ	CÔNG	20/12/86	1	6	hãy		
8	11222007	NGUYỄN THỊ HẠ	DIỂM	28/05/81	1	7	hãy		
9	11222008	LÊ LONG HƯƠNG	DIÊU	05/12/92	1	8	tám		
10	11222009	NGUYỄN HOÀNG	DUY	23/07/85	1	7	hãy		
11	11222010	TRẦN ĐÌNH NGUYỄN Thị	DUYÊN	12/08/82	1	7	hãy		
12	11222001	LÊ QUANG	ĐỨC	20/07/85	1	7	hãy		
13	11222014	MAI XUÂN	HÀI	02/07/88	1	8	tám		
14	11222011	ĐÌNH THỊ	HÀNG	02/02/93	1	7	hãy		
15	11222012	LÊ NGỌC	HÂN	09/05/89	1	6	hãy		
16	11223006	ĐẶNG HIẾU	HIỀN	20/11/89	1	7	hãy		
17	11223008	ĐÌNH THỊ	HOA	10/10/87	1	8	tám		
18	11223007	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	02/09/92	1	6	hãy		
19	11222015	ĐÀO THỊ	HỒNG	10/06/90	1	8	tám		
20	11222018	NGUYỄN HỮU	HUY	20/11/87	✓				
21	11223010	NGUYỄN HUỲNH NHƯ	HUYỀN	11/08/93	1	7	hãy		
22	11222019	TRẦN THỊ BÍCH	HUYỀN	03/04/82	1	7	hãy		
23	11222017	NGUYỄN HỮU	HƯNG	20/05/83	✓				
24	11222016	PHAN TẤN	HƯNG	15/02/87	2	7	hãy		
25	11222013	LÊ THỊ MAI	HƯƠNG	09/06/75	1	6	hãy		
26	11223004	PHẠM THỊ	HƯƠNG	02/12/93	1	6	hãy		
27	11222021	PHẠM HOÀNG MINH	KHÀI	22/06/83	1	7	hãy		
28	11222020	NGUYỄN BÁ	KHÔI	22/09/89	1	7	hãy		
29	11222022	VÕ BÉ	KHUYÊN	08/05/85	1	6	hãy		
30	11223012	TRƯƠNG THỊ CHÂU	LAN	06/02/88	1	8	tám		
31	11223011	HỒ QUỐC	LÂM	10/06/86	1	7	hãy		
32	11222023	LÊ PHÚC	LÂM	26/08/83	2	8	tám		
33	11222024	BÙI QUANG	LÂN	07/09/80	1	6	hãy		
34	11222026	PHAN THỊ	LIÊN	17/02/86	1	6	hãy		

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC11QTDD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)

Môn Học Các ng. lý CB của CN Mác-Lênin (200106-24)

CBGD

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
35	11222028	TRƯƠNG THỊ	LIÊU	24/09/86	1	7	học	Th	
36	11222027	LÊ VĂN	LINH	04/11/88	2	9	Chức	Th 2	
37	11222030	LÊ THỊ PHỤNG	LOAN	13/08/74	1	8	học	Th	
38	11222029	TRẦN HOÀNG NGỌC	LOAN	01/12/89	1	5	năm	Th	
39	11222031	PHO PHI	LONG	18/01/79	1	7	học	Th	
40	11222025	TRẦN XUÂN	LỘC	27/09/88	1	5	năm	Th	
41	11222033	NGUYỄN VÕ KIM	NGÂN	17/09/82	1	8	học	Th	
42	11223017	PHẠM THỊ HOÀI	NGHIÊM	15/12/82	1	7	học	Th	
43	11223015	HUỲNH THỊ	NGỌC	01/05/92	1	7	học	Th	
44	11222032	NGUYỄN VĂN	NGÔ	02/09/87	1	6	học	Th	
45	11222034	HÀ VĂN	NGUYỄN	07/02/76	1	8	học	Th	
46	11222035	TRƯƠNG VĂN	NGUYỄN	01/01/92	✓				
47	11223018	CAO THỊ	NHÂN	07/03/81	✓				
48	11222036	TRƯƠNG THỊ THANH	NHIÊN	03/11/80	1	7	học	Th	
49	11222037	ĐẶNG THỊ HỒNG	NHUNG	01/11/89	1	8	học	Th	
50	11222038	ĐẶNG BÍCH	PHƯƠNG	26/12/88	1	7	học	Th	
51	11222040	LÊ DUY	PHƯƠNG	08/11/89	1	6	học	Th	
52	11223020	NGUYỄN THỊ YẾN	PHƯƠNG	03/01/83	1	8	học	Th	
53	11222039	TRẦN THÀNH	PHƯƠNG	05/08/88	1	8	học	Th	
54	11222041	TRẦN THỊ TRÚC	PHƯƠNG	25/05/87	1	7	học	Th	
55	11222042	NGUYỄN HỒNG	SƠN	08/11/73	✓				
56	11222043	PHAN CHÍ	TÂM	10/05/84	1	7	học	Th	
57	11222044	NGUYỄN VĂN	TÂY	24/11/85	2	8	học	Th	
58	11223023	NGUYỄN THỊ THANH	TẾ	02/10/90	1	7	học	Th	
59	11222050	NGUYỄN TẤN	THÀNH	28/01/80	✓				
60	11222046	DƯƠNG MINH	THÀNH	01/06/86	1	6	học	Th	
61	11222045	ĐẶNG NGỌC	THÀNH	11/09/85	1	3	học	Th	
62	11222047	NGUYỄN ĐỨC	THÀNH	15/08/83	1	5	năm	Th	
63	11222048	TRẦN CÔNG	THÀNH	08/10/76	1	8	học	Th	
64	11222049	NGUYỄN THỊ	THẢO	25/08/89	2	8	học	Th	
65	11222051	NGUYỄN NGỌC	THIÊM	12/11/83	1	7	học	Th	
66	11223021	VÕ THỊ HỒNG	THƠ	1 / 92	1	1	một	Th	
67	11222052	TRẦN NGỌC	THUẬN	25/06/87	1	6	học	Th	
68	11223022	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÙY	22/12/93	1	6	học	Th	
69	11222054	ĐỖ VĂN	TIẾN	21/11/85	1	8	học	Th	
70	11222055	TRẦN VĂN	TIẾN	23/05/86	1	7	học	Th	

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC11QTTD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)
Môn Học: Các ng. lý CB của CN Máclênin (200106-24)
CBGD

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
71	11222056	HUỖNH PHAN ÁNH	TRANG	23/03/93	1	7	Điểm	
72	11223024	LƯU THỊ HUYỀN	TRẦN	12/02/83	2	8	Điểm	
73	11223025	PHAN THỊ HUYỀN	TRẦN	08/04/92	1	8	Điểm	
74	11222058	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	21/04/90	1	7	Điểm	
75	11222057	PHẠM MINH	TRỌNG	19/08/80	1	7	Điểm	
76	11223026	ĐOÀN NHẬT	TRƯỜNG	24/11/93	1	8	Điểm	
77	11223027	NGUYỄN VĨNH	TUẤN	15/02/92	✓			
78	11222053	PHAN VĂN	TƯỜNG	02/08/82	1	7	Điểm	
79	11223030	ĐỖ THỊ THÚY	VÂN	16/04/89	1	7	Điểm	
80	11223031	TRƯƠNG THỊ MỸ	VÂN	04/11/86	1	6	Điểm	
81	11222059	VŨ QUANG	VỸ	20/09/91	✓			
82	11222060	VĂN CÔNG	Ý	03/11/88	2	7	Điểm	

In Ngày 22/06/12 Số bài : 73 , Số tờ : 80

Ngày 22 Tháng 6 Năm 2012

Cán Bộ Coi Thi 1

Cán Bộ Coi Thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

In Ngày 22/06/12

TP.HCM, Ngày 22 tháng 06 năm 2012

T.S. Phan Văn Bông



Danh Sách Ghi Điểm

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Lớp: TC11QTĐ (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)

Môn Học: Toán cao cấp C1 (202114-02)

CBGD

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ng/Sinh	Số Từ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	11222003	PHẠM BÌNH AN	AN	30/03/93	✓	✓			
2	11222002	VƯƠNG THÀNH	AN	28/04/89	1	3	Đa		
3	11222004	TRẦN THỊ LAN	ANH	10/06/88	1	6	Sáu		
4	11223001	NGUYỄN THỊ HỒNG	ÂN	25/11/87	1	3	Đa		
5	11223003	DƯƠNG THỊ	BÚNG	31/12/85	2	6	Sáu		
6	11222006	LÊ ĐIỂM	CHÂU	19/03/91	1	5	Năm		
7	11222005	VÕ CHÍ	CÔNG	20/12/86	1	6	Sáu		
8	11222007	NGUYỄN THỊ HẠ	DIỂM	28/05/81	2	5	Năm		
9	11222008	LÊ LONG HƯƠNG	DIÊU	05/12/92	1	6	Sáu		
10	11222009	NGUYỄN HOÀNG	DUY	23/07/85	2	6	Sáu		
11	11222010	TRẦN BÌNH NGUYỄN T	DUYÊN	12/08/82	1	6	Sáu		
12	11222001	LÊ QUANG	ĐỨC	20/07/85	2	9	Chín		
13	11222014	MAI XUÂN	HÀI	02/07/89	1	7	Bảy		
14	11222011	ĐINH THỊ	HÀNG	02/02/93	1	6	Sáu		
15	11222012	LÊ NGỌC	HÂN	09/05/89	1	6	Sáu		
16	11223006	ĐẶNG HIẾU	HIỀN	20/11/89	2	5	Năm		
17	11223008	ĐINH THỊ	HOA	10/10/87	1	7	Bảy		
18	11223007	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	02/09/92	1	5	Năm		
19	11222015	ĐÀO THỊ	HÔNG	10/06/90	1	5	Năm		
20	11222018	NGUYỄN HỮU	HUY	20/11/87	✓	✓			
21	11223010	NGUYỄN HUỲNH NHƯ	HUYỀN	11/08/93	1	2	Hai		
22	11222019	TRẦN THỊ BÍCH	HUYỀN	03/04/82	1	3	Đa		
23	11222017	NGUYỄN HỮU	HƯNG	26/05/93	✓	✓			
24	11222016	PHAN TẤN	HƯNG	15/02/87	2	0	Chín		
25	11222013	LÊ THỊ MAI	HƯƠNG	09/06/75	1	3	Đa		
26	11223004	PHẠM THỊ	HƯƠNG	02/12/93	1	7	Bảy		
27	11222021	PHẠM HOÀNG MINH	KHAI	22/06/83	1	6	Sáu		
28	11222020	NGUYỄN BÁ	KHÔI	22/09/89	2	7	Bảy		
29	11222022	VÕ BÉ	KHUYÊN	08/05/85	1	7	Bảy		
30	11223012	TRƯƠNG THỊ CHÂU	LAN	06/02/88	2	7	Bảy		
31	11223011	HỒ QUỐC	LÂM	10/06/86	1	5	Năm		
32	11222023	LÊ PHÚC	LÂM	26/08/83	2	6	Sáu		
33	11222024	BÙI QUANG	LÂN	07/09/80	2	7	Bảy		
34	11222026	PHAN THỊ	LIÊN	17/02/86	1	3	Đa		

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC11QTDD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)
Môn Học: Toán cao cấp C1 (202114-02)
CBGD

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
35	11222028	TRƯƠNG THỊ LIÊU	24/09/86	1	5	Nam		
36	11222027	LÊ VĂN LINH	04/11/88	1	6	Sau		
37	11222030	LÊ THỊ PHỤNG	13/08/74	1	2	Hai		
38	11222029	TRẦN HOÀNG NGỌC	01/12/89	1	8	Tam		
39	11222031	PHO PHI	18/01/79	2	7	Bảy		
40	11222025	TRẦN XUÂN	27/09/88	1	6	Sáu		
41	11222033	NGUYỄN VÕ KIM	17/09/82	2	8	Tam		
42	11223017	PHẠM THỊ HOÀI	15/12/82	1	3	Ba		
43	11223015	HUỖNH THỊ NGỌC	01/05/92	1	1	Một		
44	11222032	NGUYỄN VĂN NGÔ	02/09/87	1	7	Bảy		
45	11222034	HÀ VĂN NGUYỄN	07/02/76	2	9	Chín		
46	11222035	TRƯƠNG VĂN NGUYỄN	01/01/92	✓	✓			
47	11223018	CAO THỊ NHÂM	07/03/81	✓	✓			
48	11222036	TRƯƠNG THỊ THANH	03/11/80	2	7	Bảy		
49	11222037	ĐẶNG THỊ HỒNG	01/11/89	1	5	Nam		
50	11222038	ĐẶNG BÍCH	26/12/88	2	6	Sáu		
51	11222040	LÊ DUY	08/11/89	✓	✓			
52	11223020	NGUYỄN THỊ YẾN	03/01/83	2	7	Bảy		
53	11222039	TRẦN THÀNH	05/08/88	1	8	Tam		
54	11222041	TRẦN THỊ TRÚC	25/05/87	1	5	Nam		
55	11222042	NGUYỄN HỒNG SƠN	08/11/76	✓	✓			
56	11222043	PHAN CHÍ TÂM	10/05/84	2	6	Sáu		
57	11222044	NGUYỄN VĂN TÂY	24/11/85	2	7	Bảy		
58	11223023	NGUYỄN THỊ THANH	02/10/90	2	6	Sáu		
59	11222050	NGUYỄN TẤN THÀNH	28/01/80	✓	✓			
60	11222046	DƯƠNG MINH THÀNH	01/06/86	1	1	Một		
61	11222045	ĐẶNG NGỌC THÀNH	11/09/85	1	5	Nam		
62	11222047	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	15/08/83	1	7	Bảy		
63	11222048	TRẦN CÔNG THÀNH	08/10/76	2	4	Bốn		
64	11222049	NGUYỄN THỊ THẢO	25/08/89	2	7	Bảy		
65	11222051	NGUYỄN NGỌC THIÊM	12/11/83	1	6	Sáu		
66	11223021	VÕ THỊ HỒNG	1/92	1	1	Một		
67	11222052	TRẦN NGỌC THUẬN	25/06/87	✓	✓			
68	11223022	NGUYỄN THỊ NGỌC	22/12/93	2	3	Ba		
69	11222054	ĐỖ VĂN TIẾN	21/11/85	1	2	Hai		
70	11222055	TRẦN VĂN TIẾN	23/05/86	2	5	Nam		

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC11QTTD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)
Môn Học: Toán cao cấp C1 (202114-02)
CBGD

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
71	11222056	HUỖNH PHAN ÁNH	TRANG	23/03/93	2	7	Điểm	Viết	
72	11223024	LƯU THỊ HUYỀN	TRẦN	12/02/83	1	5	Năm	Viết	
73	11223025	PHAN THỊ HUYỀN	TRẦN	08/04/92	1	5	Năm	Viết	
74	11222058	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	21/04/90	2	7	Điểm	Viết	
75	11222057	PHẠM MINH	TRỌNG	19/08/80	1	1	Một	Viết	
76	11223026	ĐOÀN NHẬT	TRƯỜNG	24/11/93	1	2	Hai	Điểm	
77	11223027	NGUYỄN VĂN	TUẤN	15/02/92	✓	✓			
78	11222053	PHAN VĂN	TUÔNG	02/08/82	2	3	Một	Viết	
79	11223030	ĐỖ THỊ THÚY	VÂN	16/04/89	2	8	Tám	Viết	
80	11223031	TRƯƠNG THỊ MỸ	VÂN	04/11/86	2	9	Chín	Viết	
81	11222059	VŨ QUANG	VỸ	20/09/91	✓	✓			
82	11222060	VĂN CÔNG	Ý	03/11/88	2	10	Mười	Viết	

In Ngày 22/06/12

SĐ: 71
ST: 100

Ngày 20 Tháng 6 Năm 2012

Cán Bộ Coi Thi 1

Trần Thị Thanh Trúc

Cán Bộ Coi Thi 2

Trần Huy Tâm

Xác nhận của Bộ Môn

Nguyễn Văn Tuấn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Hà Thị Thuỷ Trâm

Cán Bộ Chấm Thi 2

In Ngày 22/06/12

TP.HCM, Ngày 22 tháng 06 năm 2012

Th.S. NGÔ THIÊN